

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2021
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 514/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Hồng D**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Vũ P**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2020 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng D trình bày:**

Hôn nhân giữa chị và anh Trần Vũ P do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 20

tháng 5 năm 2013. Sau ngày cưới vợ chồng sống và đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc, anh P không lo cho gia đình. Chị và anh P không còn sống chung từ tháng 9 năm 2020 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Vũ P.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2013 hiện đang sống với chị D. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn anh Trần Vũ P:**

Anh Trần Vũ P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long hiện anh P không có mặt tại địa phương đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh P cố tình không hợp tác.

*** Theo bảng khai ý kiến ngày 24 tháng 12 năm 2020 cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2013 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 01 giấy chứng nhận kết hôn bản chính, 01 giấy khai sinh bản sao, 01 đơn xin xác nhận, 01 bảng khai ý kiến của cháu Ngọc H bản gốc.

Bị đơn anh Trần Vũ P không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên anh P không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử anh Trần Vũ P cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, anh P biết chị D yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Mối quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hồng D và anh Trần Vũ P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 20 tháng 5 năm 2013. Theo lời trình bày của chị D thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh P không lo cho gia đình nên vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị D yêu cầu ly hôn với anh P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Chị Phạm Thị Hồng D yêu cầu nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2013. Chị D không yêu cầu anh Trần Vũ P cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Chị Phạm Thị Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Phạm Thị Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị Hồng D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Hồng D.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hồng D được ly hôn với anh Trần Vũ P.

[2] Con chung: Giao con chung tên Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2013 cho chị Phạm Thị Hồng D nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh Trần Vũ P phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Chị Phạm Thị Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Chị Phạm Thị Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị Hồng D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008716 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Vui